

Số: 230/BC-THTP

Uông Bí, ngày 30 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

(Thời điểm 30/6/2025)

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học Trần Phú

2. Địa chỉ: Tổ 8- Khu 8- phường Vàng Danh- thành phố Uông Bí- tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0989.121.613

Website: <http://uongbi.quangninh.edu.vn/thtranphu1/Home.aspx>

Mã đơn vị: 22196405

3. Loại hình

Trường Tiểu học công lập;

Cơ quan quản lý trực tiếp: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Uông Bí.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu

Sứ mệnh: Xây dựng trường TH Trần Phú có môi trường học tập tốt; phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại; có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo theo định hướng sau:

- Khơi nguồn tri thức
- Thiết lập giá trị
- Kiến tạo trải nghiệm
- Dẫn lối thành công

Tầm nhìn: Xây dựng một môi trường giáo dục đậm chất nhân văn, là nơi để mọi học sinh đều được học tập, vui chơi, được trải nghiệm và yêu thương. Đào tạo lên thế hệ tương lai văn minh, tự tin, trách nhiệm, mọi học sinh của nhà trường đều được phát triển cân bằng về trí tuệ, thể chất, các giá trị tinh thần và kỹ năng để hội nhập cuộc sống.

Hệ thống giá trị cốt lõi: Cởi mở; Cân bằng; Trách nhiệm

Mục tiêu chung: Phát triển nhà trường theo mô hình “trường học hạnh phúc” có môi trường thân thiện, có uy tín về chất lượng giáo dục và giữ vững trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 và đạt kiểm định CLGD cấp độ III. Tạo dựng được môi trường học tập, rèn luyện đạt chất lượng giáo dục trong топ đầu của thành phố; xây dựng được thương hiệu nhà trường và luôn có niềm tin của cấp ủy, chính quyền và nhân dân địa phương.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Lịch sử hình thành:

Trường Tiểu học Trần Phú có tiền thân của trường “Liên cấp 1-2 Vàng Danh” được thành lập năm 1988. Năm học 1988-1989, do yêu cầu của Ngành đề ra, trường được tách cấp 1 và cấp 2 riêng. Trường cấp 1 được mang tên “Trường Tiểu học Trần Phú”. Trước năm 2007, toàn bộ các phòng học và phòng làm việc của nhà trường đều

là những dãy nhà cấp 4, khó khăn về cơ sở vật chất: sân trường còn lầy lội về mùa hè, bụi bẩn về mùa đông, phòng học xuống cấp, thiếu bàn ghế, thiếu chỗ học tập cho học sinh.

Kể từ khi mang tên trường Tiểu học Trần Phú đến nay, trường đã trải qua rất nhiều thế hệ cán bộ quản lý như đồng chí Hiệu trưởng Phan Bá Quyết; Nguyễn Bá Khao, Nguyễn Thị Sần, Quách Thị Mơ, Lại Thị Thanh Linh; Nguyễn Tiến Cương, Nguyễn Trung Dũng. Các đồng chí Phó Hiệu trưởng Vũ Thị Thủy; Đặng Thị Vui; Nguyễn Thị Mai; Hoàng Thị Nhung, Đỗ Thị Thanh Hòa, Nguyễn Hữu Dũng. Hiện nay, Hiệu trưởng nhà trường là đồng chí Nguyễn Trung Dũng, Phó Hiệu trưởng là đồng chí Đỗ Thị Thanh Hòa, Nguyễn Hữu Dũng.

Trải qua 36 năm liên tục, thầy và trò Trường Tiểu học Trần Phú đã khắc phục bao khó khăn thử thách trong cuộc sống và những thăng trầm trong sự nghiệp giáo dục, các thế hệ Hiệu trưởng và giáo viên của trường vẫn bền bỉ, tâm huyết, một lòng với sự nghiệp trồng người; phấn đấu vươn lên xây dựng Nhà trường liên tục đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc và xuất sắc cấp Tỉnh, được tặng nhiều Bằng khen của các cấp, xứng đáng là lá cờ đầu của Ngành GDĐT thành phố Uông Bí. Nhà trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 theo Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 04 tháng 05 năm 2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh và được công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo Quyết định số 1826/QĐ- SGDDĐT ngày 26/11/2018 của Sở GDĐT tỉnh Quảng Ninh. Nhà trường được công nhận lại chuẩn quốc gia mức độ 2 theo Quyết định số 26/QĐ-SGDDĐT ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Sở GDĐT tỉnh Quảng Ninh và được công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo Quyết định số 25/QĐ- SGDDĐT ngày 13/9/2022 của Sở GDĐT tỉnh Quảng Ninh.

Trường là đơn vị được Phòng GDĐT Uông Bí chỉ đạo về các mặt hoạt động: chuyên môn, văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao... Trường luôn tích cực trong các phong trào thi đua đặc biệt là chất lượng mũi nhọn và công tác rèn vở sạch chữ đẹp của học sinh và giáo viên trong toàn trường. Trường được Đảng, chính quyền địa phương, các cơ quan, xí nghiệp đóng trên địa bàn phường, phụ huynh học sinh quan tâm, tin tưởng. Trong những năm gần đây, Nhà trường là niềm tự hào của nhân dân phường Vàng Danh, là địa chỉ tin cậy của CMHS không những trên địa bàn phường mà cả các địa bàn lân cận. Năm 2013, nhà trường vinh dự được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen. Năm 2014, nhà trường được đón nhận Huân chương Lao động hạng III.

Trường Tiểu học Trần Phú là trường công lập do UBND thành phố Uông Bí thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên, là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng, thực hiện chương trình Giáo dục Tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Xây dựng phát triển nhà trường dựa trên các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhiệm vụ giáo dục phát triển của địa phương; thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục, thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Nguyễn Trung Dũng

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Tổ 8, khu 8, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh

Số điện thoại: 09899121613

Địa chỉ thư điện tử: nguyentrungdung.c1tranphu@quangninh.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường

Năm 1988, UBND thị xã Uông Bí (nay là thành phố Uông Bí) quyết định chuyển trường cấp 1-2 Trần Phú thuộc phường Vàng Danh thành trường phổ thông cơ sở cấp 1 Trần Phú. Đến năm 2005, UBND thị xã Uông Bí sáp nhập trường tiểu học Võ Thị Sáu về trường tiểu học Trần Phú (QĐ số 1792/QĐ-UBND ngày 01/9/2005).

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định số 8672/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 về việc thành lập Hội đồng trường Trường tiểu học Trần Phú nhiệm kỳ 2021-2026. (ông Nguyễn Trung Dũng làm chủ tịch Hội đồng);

Quyết định số 6140/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí về việc bổ sung, kiện toàn Hội đồng Trường Tiểu học Trần Phú, nhiệm kỳ 2021-2026. Danh sách thành viên Hội đồng trường:

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ/ chức danh	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Trung Dũng	05/6/1979	BTCB, Hiệu trưởng	TH Trần Phú
2	Đỗ Thị Thanh Hoà	13/9/1986	Phó HT	TH Trần Phú
3	Trần Hoài Thương	10/9/1989	TTCM tổ 1	TH Trần Phú
4	Trần Thị Duyên	11/4/1980	TK Hội đồng	TH Trần Phú
5	Nguyễn Thị Thắm	08/5/1977	TTCM tổ 2, 3	TH Trần Phú
6	Lại Thị Hương Thảo	04/01/1988	TTCM tổ 4, 5	TH Trần Phú
7	Lê Thị Lan Dung	06/8/1990	Bí thư chi đoàn	TH Trần Phú
8	Nguyễn Thị Hạnh	01/11/1986	TT tổ VP	TH Trần Phú
9	Đỗ Thị Hải Yến	10/9/1978	Phó Chủ tịch	UBND phường Vàng Danh
10	Tô Vân Anh	21/5/1990	Trưởng ban đại diện CMHS	Ban đại diện CMHS trường Trần Phú

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2024 của UBND thành phố Uông Bí về việc bổ nhiệm lại đối với cán bộ quản lý giáo dục (Ông Nguyễn Trung Dũng được bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Tiểu học Trần Phú, từ ngày 5/3/2019 đến nay).

Quyết định số 7737/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí về việc điều động, bổ nhiệm có thời hạn đối với bà Đỗ Thị Thanh Hòa –

Giáo viên trưởng Trường Tiểu học Kim Đồng đến nhận công tác tại Trường Tiểu học Trần Phú, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó hiệu trưởng Trường Tiểu học Trần Phú, kể từ ngày 01/9/2021, thời hạn bổ nhiệm là 05 năm.

Quyết định số 5895/QĐ-UBND ngày 04/11/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí về việc điều động, bổ nhiệm có thời hạn đối với ông Nguyễn Hữu Dũng – Giáo viên trưởng Trường Tiểu học Yên Thanh đến nhận công tác tại Trường Tiểu học Trần Phú, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó hiệu trưởng Trường Tiểu học Trần Phú, kể từ ngày 06/11/2024, thời hạn bổ nhiệm là 05 năm.

d. Quy chế tổ chức hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường

*** *Cơ chế hoạt động của Trường Tiểu học Trần Phú***

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó, đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định;

Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác; kiểm tra, đánh giá, xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục nhà trường; chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

*** *Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn***

(1). Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

(2). Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

(3). Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

(4). Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức hoạt động giáo dục tại trường.

(5). Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

(6). Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

(7). Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

(8). Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

(9). Xây dựng môi trường văn hóa - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hóa - giáo dục ở địa phương.

(10). Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

(11). Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

*** Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường**

- 01 Hội đồng trường gồm 10 thành viên;
- 01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu, 41 giáo viên (03 hợp đồng); 01 nhân viên;
- 01 Hội đồng Thi đua khen thưởng;
- Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ Trường tiểu học);
- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam: 01 Chi bộ gồm 36 đảng viên;
- Tổ chức Công đoàn có 45 đoàn viên;
- Tổ chức Đoàn thanh niên có 09 đoàn viên;
- Tổ chức Đoàn Đội: 14 Sao Nhi đồng, 10 Chi đội;
- Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường có 05 thành viên;
- Các tổ chuyên môn và văn phòng: 03 tổ chuyên môn (tổ 1; tổ 2, 3; tổ 4, 5) và 01 tổ văn phòng.

d. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Trung Dũng	Hiệu trưởng	0989121613	nguyentrungdung.c1tranphu@quangninh.edu.vn
2	Đỗ Thị Thanh Hòa	P. Hiệu trưởng	0904208786	dothithanhhoa.c1kimdong@quangninh.edu.vn
3	Nguyễn Hữu Dũng	P. Hiệu trưởng	0986627904	nguyenhuudung.c1yenthanh@quangninh.edu.vn

* Địa chỉ nơi làm việc: Tổ 8, khu 8, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

* Nhiệm vụ, trách nhiệm của Hiệu trưởng

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng kỉ luật, hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; cử giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

Thực hiện các nhiệm vụ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục; xây dựng kế hoạch phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên; động viên và tạo điều kiện cho giáo viên và nhân viên tham gia các hoạt động đổi mới giáo dục; thực hiện đánh giá, xếp loại giáo viên, nhân viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tham gia quá trình tuyển dụng, chuyển, sắp xếp giáo viên; tổ chức các bước giới thiệu nhân sự đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm phó hiệu trưởng.

Quản lý, tiếp nhận học sinh, cho phép học sinh chuyển trường; quyết định kỉ luật, khen thưởng học sinh; phê duyệt kết quả đánh giá học sinh, danh sách học sinh lên lớp, lưu ban; tổ chức kiểm tra công nhận việc hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường và các đối tượng khác trên địa bàn trường phụ trách.

Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; sách giáo khoa, nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Thực hiện quản lý, sử dụng và lựa chọn các xuất bản phẩm tham khảo sử dụng trong nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý. Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy theo quy định về định mức tiết dạy đối với hiệu trưởng.

Quản lý hành chính; quản lý và tự chủ trong việc sử dụng các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường theo quy định.

Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện xã hội hóa giáo dục, phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng xã hội.

Xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường theo quy định của pháp luật.

Được hưởng chế độ phụ cấp đối với nhà giáo và các chính sách ưu đãi theo quy định.

*** Nhiệm vụ, trách nhiệm của các P. Hiệu trưởng**

Chịu trách nhiệm điều hành công việc do hiệu trưởng phân công; điều hành hoạt động của nhà trường khi được hiệu trưởng ủy quyền.

Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý. Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy theo quy định về định mức tiết dạy đối với phó hiệu trưởng.

Được hưởng chế độ phụ cấp đối với nhà giáo và các chính sách ưu đãi theo quy định.

8. Các văn bản khác của nhà trường

- Kế hoạch số 139/KH-THTP ngày 09/02/2021 của Trường TH Tiểu học Trần Phú về Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025;
- Kế hoạch số 414/KH-THTP ngày 14/10/2024 của Trường TH Trần Phú về thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025;
- Quyết định số 410/QĐ-HĐTHTP ngày 14/10/2024 của Hội đồng trường TH Trần Phú Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động nhà trường từ năm học 2024-2025;
- Quyết định số 212/QĐ-THTP ngày 02/10/2023 của Trường TH Trần Phú Ban hành Quy chế phối hợp giữa Nhà trường với ban chấp hành Công đoàn cơ sở trường TH Trần Phú từ năm học 2023-2024;
- Quyết định số 413/QĐ-THTP ngày 14/10/2024 của Trường TH Trần Phú Ban hành Quy chế chấm điểm thi đua của cán bộ, giáo viên, nhân viên trường TH Trần Phú từ năm học 2024-2025;
- Quyết định số 412/QĐ-THTP ngày 14/10/2024 của Trường TH Trần phú Ban hành Quy tắc ứng xử văn hóa của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trường TH Trần Phú từ năm học 2024-2025;
- Quyết định số 411/QĐ-THTP ngày 14/10/2024 của Trường TH Trần Phú Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ sửa đổi bổ sung năm 2024;

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo

TT	Vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Ngạch, Chức danh nghề nghiệp (tối thiểu)	Mã số ngạch, CDNN (tối thiểu)	Số lượng NLV cần có	Số lượng NLV hiện có
I	Nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	2			03	03
1	Hiệu trưởng	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	01	01
2	Phó Hiệu trưởng	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	02	02
II	Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	04			45	41
1	Giáo viên tiểu học hạng I/II/III	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	42	41

2	Nhân viên Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	1	Nhân viên Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	V.07.06.16	01	0
3	Nhân viên giáo vụ	1	Nhân viên Giáo vụ	V.07.07.21	01	0
4	Nhân viên Tư vấn học sinh	1	Nhân viên Tư vấn học sinh		01	0
III	Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	06			04	01
1	Thư viện viên hạng II/III/IV	1	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	01	0
2	Chuyên viên về quản trị công sở	1	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	0	0
3	Kế toán viên/ Kế toán viên trung cấp	1	Kế toán viên trung cấp	06.032	01	01
4	Chuyên viên thủ quỹ/ Cán sự thủ quỹ/ Nhân viên thủ quỹ	1	Nhân viên thủ quỹ	01.005	01	0
5	Văn thư viên/Văn thư viên trung cấp	1	Văn thư viên trung cấp	02.008	0	0
6	Nhân viên Y tế học đường	1	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01	0
IV	Nhóm vị trí việc hỗ trợ, phục vụ	3			05	05
1	Nhân viên bảo vệ	1			03	03
2	Nhân viên phục vụ	1			02	02
3	Nhân viên nấu ăn	1			0	0
	Tổng cộng	15			57	50

2. Số lượng GV, CBQL, tự đánh giá chuẩn nghề nghiệp theo quy định (năm học 2024-2025).

- Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và giáo viên tự đánh giá: 42 (trong đó Tốt: $34/42 = 80,9\%$; Khá: $8/42 = 19,1\%$).

3. Số lượng GV, CBQL, NV hoàn thành BDTX hằng năm theo quy định

Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: 42 đ/c. Trong đó CBQL: 03/03; Giáo viên: 40/43 (03 HĐ không tham gia);

III. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG CHUNG

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu

Diện tích đất (m ²)	Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh (m ²)	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu ¹
7953,1	9,3	Bình quân 10m ² /HS; Khu đô thị, miền núi 8m ² /HS

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

Hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập

Danh mục	Có	Cần đủ học 2b/ngày	Thiếu	Ghi chú
- Phòng học	25	24	0	
- Phòng học vi tính	01	01	0	
- Phòng học bộ môn	04	04	0	
- Phòng thiết bị, thí nghiệm	01	01	0	
- Phòng học trải nghiệm (robotic)	01	01	0	
- Phòng HT, HP	03	03	0	
- Phòng hội trường và phòng truyền thống	01	01	0	
- Phòng thư viện	01	01	0	
- Phòng y tế	01	01	0	
- Phòng kế toán	01	01	0	

Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1	Tổng diện tích đất (m ²)	7953,1	9,3
2	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	2800	3,2

Khối phục vụ sinh hoạt

Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
		Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
Đạt chuẩn vệ sinh*	50 m ²		280m ²		0,3m ² /HS

¹ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

(Danh mục thiết bị kèm theo)

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

4.1. Bộ sách sử dụng các môn học bắt buộc

* Lớp 1

STT	Tên sách	Bộ sách	Tác giả
1	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (T.c.biên)
2	Toán	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (T.c.biên)
3	Đạo đức	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (T.c.biên)
4	TN-XH	Cánh diều	Mai Sĩ Tuấn (T.c.biên)
5	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính (T.c.biên)
6	Mĩ thuật	Cánh diều	Phạm Văn Tuyền (T.c.biên)
7	GDTC	Cánh diều	Đặng Ngọc Quang (T.c.biên)
8	HĐTN	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Sĩ Tụng (T.c.biên)
9	Tiếng Anh	I-lear Smart Star	Nguyễn Thị Ngọc Quyên

* Lớp 2

STT	Tên sách	Bộ sách	Tác giả
1	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (T.c.biên)
2	Toán	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (T.c.biên)
3	Đạo đức	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (T.c.biên)
4	TN-XH	Cánh diều	Mai Sĩ Tuấn (T.c.biên)
5	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính (T.c.biên)
6	Mĩ thuật	Cánh diều	Nguyễn Thị Đông (T.c.biên)
7	GDTC	Cánh diều	Lưu Quang Hiệp (T.c.biên)
8	HĐTN	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (T.c.biên)
9	Tiếng Anh	I-lear Smart Star	Nguyễn Thị Ngọc Quyên

* Lớp 3

STT	Tên sách	Bộ sách	Tác giả
1	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (T.c.biên)
2	Toán	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (T.c.biên)
3	Đạo đức	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (T.c.biên)
4	TN-XH	Cánh diều	Mai Sĩ Tuấn (T.c.biên)
5	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long (T.c.biên)
6	Mĩ thuật	Cánh diều	Nguyễn Thị Đông (T.c.biên)
7	GDTC	Cánh diều	Lưu Quang Hiệp (T.c.biên)
8	HĐTN	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (T.c.biên)
9	Tiếng Anh	Global success	Hoàng Văn Vân
10	Công nghệ	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng
11	Tin học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công

* Lớp 4

STT	Tên sách	Bộ sách	Tác giả
1	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (T.c.biên)
2	Toán	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (T.c.biên)
3	Đạo đức	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (T.c.biên)
4	Khoa học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (T.c.biên)
5	LS-ĐL	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (T.c.biên)
6	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính (T.c.biên)

7	Mĩ thuật	Cánh diều	Nguyễn Thị Đông (T.c.biên)
8	GDTC	Cánh diều	Đình Quang Ngọc (T.c.biên)
9	HĐTN	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (T.c.biên)
10	Tiếng Anh	Global success	Hoàng Văn Vân (T.c.biên)
11	Công nghệ	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (T.c.biên)
12	Tin học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (T.c.biên)

** Lớp 5*

STT	Tên sách	Bộ sách	Tác giả
1	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (T.c.biên)
2	Toán	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (T.c.biên)
3	Đạo đức	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (T.c.biên)
4	Khoa học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (T.c.biên)
5	LS-ĐL	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (T.c.biên)
6	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính (T.c.biên)
7	Mĩ thuật	Cánh diều	Nguyễn Thị Đông (T.c.biên)
8	GDTC	Cánh diều	Đình Quang Ngọc (T.c.biên)
9	HĐTN	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (T.c.biên)
10	Tiếng Anh	Global success	Hoàng Văn Vân (T.c.biên)
11	Công nghệ	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (T.c.biên)
12	Tin học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (T.c.biên)

4.2. Bộ sách sử dụng cho hoạt động củng cố, tăng cường và lồng ghép tích hợp

a. Các bài dạy kỹ năng sống

Số TT	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
1	Bài 1: Kỹ năng hòa nhập môi trường mới	Bài 1: Kỹ năng bảo vệ bản thân	Bài 1: Kỹ năng nhận thức bản thân	Bài 1: Kỹ năng làm chủ cảm xúc	Bài 1: Kỹ năng xây dựng lòng tự trọng
2	Bài 2: Kỹ năng diễn đạt điều muốn nói	Bài 2: Kỹ năng xây dựng sự tự tin và bản thân	Bài 2: Kỹ năng chịu trách nhiệm bản thân.	Bài 2: Kỹ năng xây dựng thời gian biểu	Bài 2: Kỹ năng bày tỏ cảm xúc
3	Bài 3: Kỹ năng làm quen bạn mới	Bài 3: Kỹ năng quan tâm, giúp đỡ bạn	Bài 3: Kỹ năng kết bạn	Bài 3: Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn	Bài 3: Kỹ năng chấp nhận người khác
4	Bài 4: Kỹ năng thể hiện là người bạn tốt	Bài 4: Kỹ năng chia sẻ cùng bạn	Bài 4: Kỹ năng lắng nghe tích cực	Bài 4: Kỹ năng ứng xử với bạn bè	Bài 4: Kỹ năng thể hiện trách nhiệm với bạn
5	Bài 5 Kỹ năng thể hiện lễ phép trong gia đình	Bài 5: Kỹ năng thể hiện tình yêu thương	Bài 5: Kỹ năng giúp đỡ ông bà, cha mẹ.	Bài 5: Kỹ năng thể hiện trách nhiệm với gia đình	Bài 5: Kỹ năng tiếp khách đến nhà
6	Bài 6 Kỹ năng thể hiện tình yêu thương trong gia đình	Bài 6. Kỹ năng thể hiện trách nhiệm khi làm việc nhà	Bài 6: Kỹ năng chia sẻ cùng người thân.	Bài 6: Kỹ năng thể hiện lòng hiếu thảo	Bài 6: Kỹ năng bảo vệ gia đình sống lành mạnh
7	Bài 7: Kỹ năng vệ sinh cá nhân	Bài 7: Kỹ năng làm việc nhóm	Bài 7: Kỹ năng lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch học tập.	Bài 7: Kỹ năng tư duy sáng tạo	Bài 7: Kỹ năng tạo cảm hứng học tập
8	Bài 8: Kỹ năng tự chuẩn bị đồ dùng	Bài 8: Kỹ năng giao tiếp ở trường học	Bài 8: Kỹ năng tự học.	Bài 8: Kỹ năng thuyết trình	Bài 8: Kỹ năng giải quyết vấn đề

	học tập, trang phục đến trường				
9	Bài 9: Kỹ năng giữ gìn vệ sinh chung	Bài 9: Kỹ năng giao tiếp nơi công cộng	Bài 9: Kỹ năng làm thủ lĩnh.	Bài 9: Kỹ năng bảo vệ môi trường	Bài 9: Kỹ năng thích nghi
10	Bài 10: Kỹ năng bảo vệ cây xanh	Bài 10: Kỹ năng quan hiệu quả	Bài 10: Kỹ năng thể hiện lối sống văn minh.	Bài 10: Kỹ năng nhận diện tình huống nguy hiểm	Bài 10: Kỹ năng vượt qua cảm dỗ
11	Bài 11: Kỹ năng ứng xử khi tiếp xúc với người lạ	Bài 11: Kỹ năng ứng xử khi ở nhà một mình	Bài 11: Kỹ năng ứng xử khi có người thân gặp sự cố.	Bài 11: Kỹ năng thoát hiểm khi gặp hỏa hoạn	Bài 11: Kỹ năng đi đường một mình an toàn
12	Bài 12: Kỹ năng ứng xử khi bị lạc	Bài 12: Kỹ năng phân biệt thực phẩm an toàn	Bài 12: Kỹ năng sơ cứu vết thương.	Bài 12: Kỹ năng ứng phó khi gặp mưa to, sấm sét	Bài 12: Kỹ năng ứng phó khi có bão, lũ lụt, sạt lở

b. Các bài dạy theo tài liệu “Giáo dục an toàn giao thông cho học sinh tiểu học”

STT	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
1	Bài 1: Đường em tới trường	Bài 1: Những nơi vui chơi an toàn.	Bài 1: Cổng trường an toàn GT	Bài 1: Điều khiển xe đạp	Bài 1: Điều khiển xe đạp chuyên hướng AT
2	Bài 2: Đèn tín hiệu giao thông	Bài 2: Đi bộ qua đường an toàn	Bài 2: Biển báo hiệu giao thông đường bộ	Bài 2: Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông	Bài 2: Phòng tránh tai nạn giao thông nơi khuất tầm nhìn
3	Bài 3: Đi bộ trên đường an toàn	Bài 3: Lên xuống xe đạp, xe máy an toàn	Bài 3: Đi bộ tại những nơi đường giao nhau	Bài 3: Hậu quả của tai nạn GT	Bài 3: Tham gia giao thông đường hàng không AT
4	Bài 4: Ngồi an toàn trên các phương tiện giao thông	Bài 4: Biển báo hiệu giao thông đường bộ	Bài 4: Tham gia giao thông an toàn trên các phương tiện giao thông công cộng	Bài 4: Dự đoán để phòng chống tai nạn giao thông đường bộ	Bài 4: Ứng xử khi gặp sự cố giao thông
5	Bài 5: Nhớ đội mũ bảo hiểm	Bài 5: Chọn và đội mũ bảo hiểm đúng cách	Bài 5: Làm quen với xe đạp	Bài 5: An toàn giao thông đường thủy	Bài 5: Em làm tuyên truyền viên an toàn giao thông

c. Các bài dạy sách Bác Hồ và những bài học về đạo đức lối sống

Số TT	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
1	Bài 1: Quý trọng con người	Bài 1: Đoàn kết là yêu nước	Bài 1: Biết ơn thầy, cô giáo	Bài 1: Biết ơn những người có công với quê hương đất nước
2	Bài 2: Yêu thương mọi người như người thân trong gia đình	Bài 2: Yêu quý thiếu nhi quốc tế	Bài 2: Yêu thương giúp đỡ	Bài 2: Yêu thương từng điệu hát quê hương
3	Bài 3: Giờ nào việc nấy	Bài 3: Chăm chỉ, sáng tạo	Bài 3: Chăm chỉ học hành	Bài 3: Chăm chỉ vượt khó
4	Bài 4: Nhận lỗi và sửa lỗi	Bài 4: Giữ lời hứa	Bài 4: Hãy luôn trung thực, thật thà	Bài 4: Bảo vệ cái đúng
5	Bài 5: Bảo quản đồ	Bài 5: Biết ơn những	Bài 5: Bảo vệ tiên-	Bài 5: “Nước Việt

	dùng cá nhân và gia đình	người có công	tài sản của công	Nam là một”
6	Bài 6: Nhận thức thấu hiểu mọi vật	Bài 6: Chia sẻ với những người xung quanh	Bài 6: Lập kế hoạch làm việc cho bản thân	Bài 6: Không hưởng một mình, chia sẻ miếng ngon, đồ quý
7	Bài 7: Cẩn hợp sức đoàn kết	Bài 7: Cẩn thận tránh tai nạn	Bài 7: vệ sinh cá nhân bảo vệ sức khỏe	Bài 7: Thông minh trong cuộc sống hàng ngày
8	Bài 8: Sử dụng đồng tiền có ý nghĩa	Bài 8: Không dễ dãi nhận quà	Bài 8: Quý trọng đồng tiền, đồ dùng	Bài 8: Quyền và bổn phận trẻ em

IV. THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục năm học 2024-2025; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

** Kết quả đánh giá: Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3*

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X

Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	x
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	X

Kết quả: Đạt mức: 3

Kết quả: Đạt mức: 3

*** Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá**

Trên cơ sở bám sát báo cáo Tự đánh giá năm học 2024-2025 (báo cáo ngày 30/6/2025) và kế hoạch cải tiến chất lượng năm học 2024-2025 cùng điều kiện thực tế, nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch tự đánh giá năm học 2025-2026.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của nhà trường qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm

*** Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của nhà trường qua các mốc thời gian**

- Quyết định số 25/QĐ-SGDĐT ngày 13/9/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh Quyết định về việc cấp Chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cho trường Tiểu học Trần Phú thành phố Uông Bí (cấp độ 3, thời hạn 05 năm).

- Quyết định số 26/QĐ-SGDĐT ngày 13/9/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh Quyết định về việc cấp Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia cho trường Tiểu học Trần Phú thành phố Uông Bí (mức độ 2, thời hạn 05 năm);

*** Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm**

Căn cứ Báo cáo của Đoàn đánh giá ngoài đánh giá công tác kiểm định chất lượng giáo dục của trường TH Trần Phú chu kỳ 2017-2022, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng chu kỳ 2022-2027 (kế hoạch ngày 8/7/2022).

Trong năm học 2022-2023; 2023-2024, căn cứ báo cáo Tự đánh giá năm học 2022-2023; 2023-2024 của Hội đồng tự đánh giá nhà trường. Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng năm học 2023-2024 và 2024-2025 kèm theo kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học. Việc xây dựng kế hoạch nhiệm vụ năm học 2023-2024; 2024-2025 bám sát kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm khắc phục những hạn chế trong báo cáo tự đánh giá năm học 2022-2023; 2023-2024 đã chỉ ra.

V. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục năm học 2024-2025

a. Kế hoạch số 130/KH-THTP ngày 21/5/2024 của trường TH Trần Phú về Kế hoạch thực hiện tuyển sinh vào lớp 1 năm học 2024-2025 (thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện và thông tin liên quan).

b. Quyết định số 330/QĐ-HĐTTP ngày 30/8/2024 về việc Phê duyệt kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025.

c. Văn bản phối hợp số 409a/VBPH ngày 11/10/2024 của trường TH Trần Phú về cam kết phối hợp giữa nhà trường - gia đình và cộng đồng thực hiện chăm sóc, bảo vệ sức khỏe học sinh năm học 2024-2025.

d. Kế hoạch số 414/KH-THTP ngày 14/10/2024 của trường tiểu học Trần Phú về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 - 2025.

d. Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở trường

*** Sinh hoạt dưới cờ: 35 tuần, mỗi tuần 01 chủ đề**

*** Các hoạt động giáo dục tập thể**

TT	Nội dung	Thời gian	Hình thức	Thành phần
1	Khai giảng	Tháng 9/2024	HĐNK	Đại biểu, CBQL, TPT, GV, NV, HS, PH toàn trường
2	KM Hội khỏe Phù Đổng	Tháng 10/2024	HĐTN/NK	CBQL, TPT, NV; GVCN, HS, PH toàn trường
3	Kỷ niệm ngày NGVN 20/11	Tháng 11/2024	HĐNK	- Đại biểu; - CBQL, TPT, GV, NV, HS, PH toàn trường
4	Tổng kết HKPĐ	Tháng 12/2024	HĐTN	CBQL, TPT, GV, NV, HS, PH toàn trường
5	Xuân yêu thương- Tết sum vầy	Tháng 01/2025	HĐTN	CBQL, TPT, GV, NV, HS, PH toàn trường
6	Hội thi Sáng tạo khoa học-Kĩ thuật	Tháng 03/2025	HĐNK	CBQL, TPT, GV, NV, HS, PH toàn trường
7	Tìm hiểu 50 năm ngày giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước	Tháng 04/2025	HĐNK	CBQL, TPT, GV, NV, HS, PH toàn trường
8	Bế giảng	Tháng 05/2025	HĐNK	CBQL, TPT, GV, NV, HS, PH toàn trường

*** Hoạt động sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học**

ST T	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/quy	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
-------------	-----------------	------------------	----------------------	------------------	-----------------	----------------

			mô			
1	Tổ chức bán trú	Ăn bán trú	HS khối lớp 1-5 10h30-10h50		Khối 1, 2 ăn tại phòng ăn nhà đa năng; Khối 3-5 ăn tại phòng học	Phối hợp với đơn vị cung cấp xuất ăn đủ điều kiện theo quy định
		Ngủ trưa	Học sinh từ khối 1-khối 5	11h30-13h30	Tại các phòng ngủ theo lớp	
2	Đọc sách thư viện	Đọc sách tham khảo, truyện thiếu nhi phù hợp với lứa tuổi học sinh tiểu học	Học sinh toàn trường	Đầu giờ, giờ ra chơi, sau buổi học	Thư viện nhà trường, thư viện các lớp học	
3	Câu lạc bộ năng khiếu (tự nguyện)	Văn - Toán tuổi thơ	HS khối 3-4-5	15h30-16h30 (Thứ 6 tuần 03 của tháng)	Phòng học lớp 4A2	Mỗi tháng 01 buổi
		Tiếng Anh	HS khối 3-4-5		P. Tiếng Anh	
		Thể dục thể thao	HS khối 3-4-5		Sân trường	
		Stem-Robotic	Khối 4-5		P. Trải nghiệm	

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế năm học trước

a. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Thông kê		Năm 2023-2024	Năm 2024-2025
Tổng số	Khối 1	152	145
	Khối 2	164	150
	Khối 3	193	165
	Khối 4	199	192
	Khối 5	227	201
	Tổng	935	853
Nữ		444	404
DT		125	124
Nữ DT		55	59
Nghèo		01	0
Cận nghèo		03	0
HSKT		01	05
Mồ côi		07	06
Chuyển trường		10	11
Tiếp nhận		01	16

b. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp (Năm học 2024-2025):

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	853	145	150	165	192	201
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	853	145	150	165	192	201
III	Số HS chia theo năng lực, phẩm chất						
1	Tốt (Tỷ lệ so với tổng số)	662 (77,6%)	121 (83,5%)	123 (82%)	134 (81,2%)	135 (70,3%)	159 (79,1%)
2	Đạt (Tỷ lệ so với tổng số)	189 (22,2%)	23 (15,9%)	27 (18%)	30 (18,2%)	57 (29,7%)	52 (25,9%)
3	Cần cố gắng (Tỷ lệ so với tổng số)	2 (0,2%)	1 (0,6%)	0	1 (0,6%)	0	0
IV	Số HS chia theo kết quả học tập						
1	Hoàn thành tốt (Tỷ lệ so với tổng số)	662 (77,6%)	121 (83,5%)	123 (82%)	134 (81,2%)	135 (70,3%)	159 (79,1%)
2	Hoàn thành (Tỷ lệ so với tổng số)	189 (22,2%)	23 (15,9%)	27 (18%)	30 (18,2%)	57 (29,7%)	52 (25,9%)
3	Chưa hoàn thành (Tỷ lệ so với tổng số)	2 (0,2%)	1 (0,6%)	0	1 (0,6%)	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (Tỷ lệ so với tổng số)	851 (99,8%)	144 (99,3%)	150 (100%)	164 (99,4%)	192 (100%)	201 (100%)
1.1	Trong đó HS được khen thưởng cấp trường (Tỷ lệ so với tổng số)	662 (76%)	121 (83,4%)	123 (82%)	134 (81,2%)	135 (70,3%)	149 (74,1%)
1.2	HS được khen thưởng cấp trên (Tỷ lệ so với tổng số)	35 (4,3%)	4 (2,8%)	3 (2%)	8 (4,8%)	10 (5,2%)	10 (5,0%)
2	Ở lại lớp (Tỷ lệ so với tổng số)	2 (0,2%)	1 (0,6%)	0	1(0,6%)	0	0

c. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông:

Tổng kê		Năm 2024-2025
HS hoàn thành CTTH	Số lượng	201/201
	Tỉ lệ (%)	100%

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2024

Căn cứ kế hoạch dự toán thu - chi năm học 2024-2025;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-PGDĐT ngày 03/01/2025 của PGD&ĐT thành phố Uông Bí về việc giao Dự toán Thu - Chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Nay nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí chi tiết như sau:

*) **Nguồn ngân sách 2025:**

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng thu, chi tiền học phí	0
I	Dự toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	-
a	Học phí	
b	Thu từ cấp bù học phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
a	Chi lương	-
b	Chi hoạt động	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	11.259.380.400
I	Nguồn ngân sách trong nước	11.259.380.400
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	11.259.380.400
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.788.669.000
3.1.1	Quỹ tiền lương	7.868.969.000
3.1.2	Chi hoạt động	1.919.700.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.470.711.400
3.2.1	Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm bổ sung cơ sở vật chất	479.409.000
3.2.2	Trẻ ăn trưa 3,4,5 tuổi	0
3.2.3	Cấp bù miễn giảm học phí	0
3.2.4	Giáo viên dạy lớp ghép và tăng cường Tiếng Việt	0
3.2.5	Kinh phí nuôi sinh	0
3.2.6	Chi phí học tập	27.000.000

3.2.7	Học sinh khuyết tật	
3.2.8	Giáo viên dạy học sinh khuyết tật	80.000.000
3.2.9	Chế độ của ND76/2019/ND-CP	0
3.2.10	Kinh phí cải cách tiền lương	0
3.2.11	Các chế độ khác	430.302.400
3.2.12	Chi khác	454.000.000

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm 2025

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND			
Học kì II năm 2024-2025	6	4.200.000	
Đối tượng được hỗ trợ học bổng và phương tiện đồ dùng dạy học: Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH			
Hỗ trợ học bổng			
Học kì II năm học 2023-2024	0	0	
Học kì I năm học 2024-2025	0	0	
Hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập			
Học kì II năm học 2023-2024	0	0	
Học kì I năm học 2024-2025	0	0	

3. Công khai các khoản thu năm học 2024-2025 và dự kiến 2 năm tiếp theo

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
	Năm học 2024-2025			
1	Bảo hiểm y tế	Đồng/ học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
2	Quản lý bán trú	Đồng/ học sinh/ tháng	125.000đ	
	Năm học 2025-2026			
1	Bảo hiểm y tế	Đồng/ học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
2	Quản lý bán trú	Đồng/ học sinh/ tháng	Mức thu căn cứ trên hướng dẫn của của các cấp	

			có thẩm quyền và bàn bạc thống nhất với PHHS	
	Năm học 2026-2027			
1	Bảo hiểm y tế	Đồng/ học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
2	Quản lý bán trú	Đồng/ học sinh/ tháng	Mức thu căn cứ trên hướng dẫn của của các cấp có thẩm quyền và bàn bạc thống nhất với PHHS	

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 30/6/2025

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	0	
2	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	56.555.615	

5. Công khai quyết toán thuế TNCN năm 2025 (chưa quyết toán năm 2025)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số người/ Số tiền	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại đơn vị	Người	45	
II	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	Đồng		
III	Các khoản giảm trừ			
1	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh			
2	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học		0	
3	Bảo hiểm được trừ			
IV	Thu nhập tính thuế		0	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Nhà trường thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, củng cố kết quả các cuộc vận động của Ngành. Trong các giờ sinh hoạt tập thể, giờ chào cờ đầu tuần nhà trường luôn thay đổi hình thức để giáo dục về ý thức thực hiện An toàn giao thông, PCCC và CNCH, phòng chống đuối nước, dịch bệnh cho các em, phòng chống xâm hại tình dục đối với trẻ em,... Tổ chức cho học sinh chăm sóc, bảo vệ, dâng hương tại nhà bia tưởng niệm các Anh hùng Liệt sĩ phường Vàng Danh. Tổ chức Hội thi thiết kế bài giảng E-learning cấp trường, duy trì hoạt động của các CLB: Văn-Toán tuổi thơ, CLB TĐTT, CLB tiếng Anh, CLB Stem- Robotic, tổ chức cho HS tham gia thi IOE, toán Timo các cấp NĂM HỌC 2024-2025. Kết quả:

- *Chất lượng HSNK:*

* Văn Hoá:

- Giải cấp thành phố:

+ Tại Hội thi Viết chữ và trình bày đẹp cấp Tiểu học Thành phố Uông Bí năm học 2024-2025, nhà trường có 15/15 học sinh tham gia và đạt giải, trong đó: 5 giải Nhất; 02 giải Nhì; 05 giải Ba ; 03 giải Khuyến Khích.

+ Tại kỳ Giao lưu học sinh năng khiếu cấp Tiểu học thành phố Uông Bí năm học 2024-2025, có 17/19 học sinh tham gia và đạt giải, trong đó có 02 giải Nhất, 03 giải Nhì, 6 giải Ba, 6 giải Khuyến Khích.

* Văn nghệ - TDTT:

+ Tập thể: Đạt giải Nhì toàn đoàn tại Hội khoẻ Phù đồng cấp Thành phố.

+ Cá nhân: 01 giải Nhì điền kinh.

+ 01 giải Nhất; 01 giải Ba nội dung thi vẽ tranh trong Cuộc thi: “Sáng tạo bảo đảm trật tự trường học về phòng ngừa bạo lực học đường và lao động trẻ em” năm 2025 do PGD&ĐT thành phố Uông Bí tổ chức; Đạt 01 giải Nhất nội dung thi vẽ tranh trong Cuộc thi: “Sáng tạo bảo đảm trật tự trường học về phòng ngừa bạo lực học đường và lao động trẻ em” năm 2025 do Sở Giáo dục Đào tạo tỉnh Quảng Ninh tổ chức.

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm 2025 từ ngày 01/01/2025 đến 30/6/2025 (Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) của trường tiểu học Trần Phú, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi nhận:

- Công TTĐT;

- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Trung Dũng